

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Citral N**

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Hóa chất dùng cho xà phòng, chất tẩy rửa và mỹ phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:  
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2  
Chất gây dị ứng da: Cat.1  
Độ độc cấp tính: Cat.5 (trên da)  
Độ độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)  
Kích ứng mắt: Cat.2A  
Kích ứng da: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
 Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025



Cảnh báo:  
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da. Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt. Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P273	Tránh thải vào môi trường.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. NẾU TRÊN DA: Gọi cho TRUNG TÂM SƠ CẤP CỨU hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Khi được phân phối ở vật liệu có tính chất xốp, sự tự bốc cháy sẽ có thể xảy ra

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

3,7-dimethyl-2,6-octadien-1-al

Số CAS: 5392-40-5

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

### **Thành phần nguy hại**

3,7-dimethyl-2,6-octadien-1-al

Hàm lượng (W/W):  $\geq 75\%$  -  $\leq 100\%$

Số CAS: 5392-40-5

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 5 (trên da)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 2

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A

Skin Sens.: Cat. 1

Aquatic Acute: Cat. 2

3-methylbut-2-en-1-ol

Hàm lượng (W/W):  $> 0\%$  -  $< 0.2\%$

Số CAS: 556-82-1

Flam. Liq.: Cat. 3

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 5 (trên da)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 1C

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Aquatic Acute: Cat. 3

## **4. Biện pháp sơ cứu về y tế**

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

## **5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, bột, cacbon dioxide, Phun nước

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:  
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

### Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

### Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

### Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Không sử dụng mặt cưa hay các chất dễ cháy khác như là chất hấp thụ khi thu dọn.

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu dọn hóa chất tràn đổ bằng vật liệu hấp thụ khó cháy (ví dụ: đất khoáng) Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ an toàn theo quy định pháp luật.

Thông tin bổ sung: Khi được phân phối ở vật liệu có tính chất xốp, sự tự bốc cháy sẽ có thể xảy ra Vải bẩn/giẻ lau làm bằng sợi tự nhiên (ví dụ: len nguyên chất hoặc bông nguyên chất) có khả năng bắt lửa và không được sử dụng và/hoặc phải được sử dụng và/hoặc phải được xử lý theo biện pháp an toàn.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín. Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

### Phòng chống cháy nổ:

Nguy cơ tự bắt cháy khi một khu vực diện tích bề mặt rộng được hình thành do sự phân tán mịn. Vải bẩn/ giẻ lau/ các chất hấp thụ có khả năng tự cháy phải được nhúng ướt bằng nước và được thải bỏ an toàn theo quy định pháp luật. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

#### Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi mát mẻ, thông thoáng tốt Bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

#### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

3,7-dimethyl-2,6-octadien-1-al, 5392-40-5;

Giá trị TWA 5 ppm (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Nguy cơ hấp thụ qua da

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Nguy cơ hấp thụ qua da

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

fluoroelastomer (FKM) - Lớp phủ độ dày 0.7 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất gắng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các gắng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Không hít thở hơi/bụi nước Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:                                      chất lỏng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
 Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Màu sắc:	không màu đến hơi vàng	
Mùi:	chanh	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	không áp dụng	
nhiệt độ quá nhiệt của thủy tinh:	-115 °C	(DDK (DIN 51007))
Điểm sôi:	tương đương 230 °C (1,013 hPa) Chất / sản phẩm phân hủy.	
Điểm chớp cháy:	98 °C Dữ liệu tài liệu.	
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	225 °C Dữ liệu tài liệu.	(DIN 51794)
Phân hủy do nhiệt:	tương đương 180 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
SADT:	> 75 °C	
Nguy cơ nổ:	Tích lũy nhiệt/ Dewar 500 ml (SADT, UN-Test H.4, 28.4.4) Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.046 hPa (20 °C)	(được tính toán)
	0.071 hPa (25 °C)	(được tính toán)
	1.003 hPa (59.29 °C)	(được đo lường)
Tỷ trọng:	0.89 g/cm <sup>3</sup> (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
 Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Tỷ trọng tương đối:	0.89 (20 °C) Dữ liệu tài liệu.	
Tỷ trọng hơi (không khí):	5.24 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	hoà tan không hoàn toàn 0.42 g/l (25 °C)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	2.76 (25 °C)	(OECD-Hướng dẫn 107)
Hấp thụ/nước - đất:	biểu đồ KOC: 2.1	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	2.15 mPa.s (20 °C) 1.46 mPa.s (40 °C)	(được tính toán (từ độ nhớt động học).) (được tính toán (từ độ nhớt động học).) (OECD 114)
Tính nhớt, động học:	2.42 mm <sup>2</sup> /s (20 °C) 1.67 mm <sup>2</sup> /s (40 °C)	(OECD 114)

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 180 °C (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:  
 các axit, các chất bazơ

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Có thể tự bốc cháy khi phân bố đều trên các bề mặt dễ cháy khi có hiện diện không khí.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): tương đương 6,800 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Đánh giá độ độc cấp tính

độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. độc tính thấp sau khi tiếp xúc với da trong thời gian ngắn.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Tiếp xúc da gây kích ứng. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thô: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Là nguyên nhân gây mẫn cảm da trong nghiên cứu động vật. Gây kích ứng ở người.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: làm mẫn cảm da

### Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Trong ph?n l?n các th? nghi?m ?ã th?c hi?n (nuôi c?y t? bào ??ng v?t có vú) tác nhân gây ??t bi?n gen ?ã không ???c tìm th?y. Tác nhân gây ??t bi?n gen c?ng không th?y trong c? th? s?ng xét nghi?m

### Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Các kết quả nghiên cứu lâu dài về tác động gây ung thư cho thấy bản thân hóa chất không phải là chất gây ung thư.

### Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra quá trình thoái hóa dễ cháy trong bộ máy hô hấp của chuột gây ra những kích ứng ở thực quản và đường tiêu hóa

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Tùy thuộc vào các điều kiện tại chỗ và nồng độ, sự rối loạn trong quy trình phân hủy sinh học của bùn hoạt tính có thể xảy ra.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 6.8 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tĩnh điện)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) tương đương 7 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 79/831/EEC, tĩnh điện)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 103.8 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tĩnh điện)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (30 min) 2,100 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 27 (nháp), ở dưới nước)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

EC20 (30 min) tương đương 68 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.  
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:  
92 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301C; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-F) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

> 90 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

Đánh giá tính ổn định trong nước:  
Chất dễ dàng phân huỷ sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.  
Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:  
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

## 13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho	Chưa có thông tin

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
 Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

người dùng

**Vận tải đường thủy**

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng  
 Ô nhiễm hàng hải: không

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

**Sea transport**

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable  
 Marine pollutant: no

Special precautions for user: None known

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

**Air transport**

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user: None known

## 15. Thông tin về pháp luật

**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.10.2023  
Sản phẩm: **Citral N**

Phiên bản: 4.0

(30035011/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## **16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

---

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.